

Số: 29 /2016/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 28 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý
và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 939/TTr-SCT ngày 01 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương, Cục XTTM-Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban đảng tỉnh, UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội Dừa;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Công Thương, Sở Tư Pháp, Ban Tiếp công dân;
- Báo ĐK, Đài PTTH tỉnh, Website tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- KT, TCĐT, TH, TT-TTĐT;
- Lưu: VT, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2016/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị tham gia Chương trình; các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình; cơ quan quản lý Chương trình, Hội đồng xét duyệt và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.
3. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre là tập hợp các đề án xúc tiến thương mại được xây dựng theo định hướng phát triển hàng hóa phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, được nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện.
 - b) Đề án xúc tiến thương mại là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động xúc tiến thương mại; có mục tiêu và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian và kinh phí xác định.

Điều 2. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình, đơn vị chủ trì thực hiện chương trình và cơ quan quản lý chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình:
 - a) Là các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các hợp tác xã, tổ/nhóm hợp tác, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành trên địa bàn tỉnh Bến Tre có ngành nghề, thị trường, mặt hàng, sản phẩm phù hợp với mục tiêu của chương trình (gọi tắt là doanh nghiệp, cơ sở).
 - b) Được hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này.
2. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình:
 - a) Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình bao gồm: Trung tâm Xúc tiến thương mại của Sở Công Thương, Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề, Liên minh Hợp tác xã và các đơn vị được giao nhiệm vụ xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì) có đề án đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện và tiêu chí quy định tại Quy chế này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
 - b) Đơn vị chủ trì phải đáp ứng các điều kiện: Có tư cách pháp nhân; có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện đề án; có kinh nghiệm, năng lực

trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại; thực hiện đề án nhằm mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp, cơ sở, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Cơ quan quản lý chương trình: Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm chủ trì quản lý chương trình.

Điều 3. Hội đồng xét duyệt

1. Sở Công Thương quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt nhằm thẩm định các đề án xúc tiến thương mại trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Hội đồng xét duyệt bao gồm: Lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch Hội đồng và đại diện lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan làm ủy viên.

2. Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm:

a) Xem xét, đánh giá nội dung các chương trình xúc tiến thương mại, mức hỗ trợ kinh phí cho mỗi chương trình trên cơ sở kinh phí xúc tiến thương mại ngân sách phân bổ hàng năm cho Sở Công Thương.

b) Xem xét, chọn lựa những đề án mang lại hiệu quả thiết thực cho các doanh nghiệp, cơ sở nhằm tăng cường tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm của tỉnh.

Điều 4. Ngành nghề được xếp ưu tiên, điều kiện xem xét hỗ trợ kinh phí và tiêu chí để xét duyệt các chương trình xúc tiến thương mại

1. Ngành nghề được xếp ưu tiên

a) Sản xuất, chế biến nông sản (dừa, trái cây, ca cao, lương thực, rau củ, thủy sản, gia súc, gia cầm, cây giống, hoa kiểng...), nghề muối và chế biến thực phẩm.

b) Sản xuất hàng thủ công nghiệp.

c) Hàng may mặc, giày, da.

2. Điều kiện để được xem xét hỗ trợ từ kinh phí xúc tiến thương mại

a) Doanh nghiệp, cơ sở có trụ sở chính đặt trên địa bàn tỉnh Bến Tre, có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, có ngành nghề, thị trường phù hợp với mục tiêu đề án.

b) Có đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại gửi đến đơn vị chủ trì trong thời gian quy định.

c) Đối với đề án doanh nghiệp, cơ sở đề nghị hỗ trợ kinh phí để tự đăng ký tham gia không nằm trong Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia và không được các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ hoàn toàn về kinh phí. Mỗi đơn vị được hỗ trợ không quá 02 lần/năm.

d) Thực hiện tốt báo cáo kết quả tham gia đề án của năm trước với đơn vị chủ trì và phối hợp với đơn vị chủ trì thanh, quyết toán sau khi đề án kết thúc.

3. Tiêu chí để xét duyệt các đề án xúc tiến thương mại

Các đề án xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

b) Phù hợp với định hướng phát triển xuất khẩu, định hướng phát triển thị trường trong nước của tỉnh và định hướng hoạt động xúc tiến thương mại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy chế này.

d) Đảm bảo tính khả thi về: Phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai, nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước giao hàng năm theo kế hoạch.

b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp; cơ sở tham gia.

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thông qua đơn vị chủ trì.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

1. Hỗ trợ 70% chi phí thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các ngành hàng bao gồm các khoản chi phí: Chi phí mua tư liệu; chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; chi phí xuất bản và phát hành; các khoản chi phí hợp lý khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa của nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy chế này không quá 1,2 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký nhận thông tin.

2. Hỗ trợ 50% chi phí tuyên truyền xuất khẩu:

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, địa phương ra thị trường nước ngoài bao gồm chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Bến Tre để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu của tỉnh Bến Tre bao gồm chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng...).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều 6 Quy chế này không quá 50 triệu đồng/1 lần tuyên truyền.

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường xuất khẩu và thâm nhập thị trường nước ngoài, chi phí gồm:

a) Hỗ trợ 50% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành đối với hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn.

b) Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp (gồm: Chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, thuê phương tiện đi lại cho chuyên gia).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 3, Điều 6 Quy chế này không quá 1,5 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại: Hỗ trợ 50% đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã; hỗ trợ 100% đối với đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại, cán bộ quản lý nhà nước có liên quan của tỉnh; tổ/nhóm hợp tác, cơ sở sản xuất, kinh doanh (gồm các khoản: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, giải khát, chi phí khác (nếu có) hoặc học phí trọn gói của khoá học).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 6 Quy chế này không quá 50 triệu đồng/lớp học.

5. Tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài

a) Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài (gồm các khoản: Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung khu vực gian hàng của tỉnh; tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả, trình diễn sản phẩm; trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch; chi phí hợp lý khác (nếu có); công tác phí, chi phí đi lại cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức). Hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 05 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 05 đến 10 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 11 đến 15 doanh nghiệp; hỗ trợ 04 người cho đoàn có từ 16 doanh nghiệp trở lên.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 6 Quy chế này không quá 50 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Doanh nghiệp, cơ sở tự tham gia hội chợ nước ngoài: Chi hỗ trợ 100% chi phí thuê 01 gian hàng.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 6 Quy chế này không quá 30 triệu đồng/1 đơn vị/năm.

6. Tổ chức, tham gia đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài:

a) Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài gồm các khoản chi phí hợp lý: Vé máy bay, chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; chi phí tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch với các đoàn giao dịch thương mại của Bến Tre tại nước ngoài; chi phí hợp lý khác (nếu có); công

tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức. Hỗ trợ cho mỗi doanh nghiệp 01 người; hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 05 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 05 đến 10 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 11 đến 15 doanh nghiệp, hỗ trợ 04 người cho đoàn có từ 16 đến 25 doanh nghiệp và 05 người cho đoàn có từ 26 doanh nghiệp trở lên.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 6 Quy chế này không quá 15 triệu đồng/1 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 20 triệu đồng/1 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 30 triệu đồng/1 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La tinh.

b) Tham gia các đoàn xúc tiến, giao thương, hội nghị tại nước ngoài do các bộ, ngành có liên quan, các tổ chức xúc tiến trong, ngoài nước tổ chức (thành phần tham gia đoàn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định). Hỗ trợ 100% chi phí cho cán bộ quản lý nhà nước tham gia đoàn.

7. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh Bến Tre giao dịch mua hàng gồm: Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài; công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình; tuyên truyền, quảng bá mời khách đến tham dự, giao dịch; các chi phí hợp lý khác (nếu có).

Mức hỗ trợ chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài: Định mức chi áp dụng theo định mức do Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định tại Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc quy định chế độ tiếp khách trong nước; chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại tỉnh (gồm các khoản: Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu; chi phí tuyên truyền, quảng bá).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 8, Điều 6 Quy chế này không quá 80 triệu đồng/hội nghị.

9. Mức chi các chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức hội chợ, triển lãm

a) Tổ chức hội chợ: Thực hiện theo nguyên tắc lấy thu bù chi. Tùy tình hình thực tế, mức hỗ trợ gian hàng cho các đơn vị, doanh nghiệp sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương.

b) Tổ chức triển lãm giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh: Hỗ trợ 100% chi phí: thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí gian hàng triển lãm, chi phí vận chuyển hàng hóa, chi phí trực giới thiệu sản phẩm, trình diễn sản phẩm, chi phí hợp lý khác (nếu có). Riêng mua sản phẩm trưng bày hỗ trợ 50% giá trị sản phẩm trưng bày.

2. Tham gia hội chợ trong nước

a) Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức cho doanh nghiệp, cơ sở tham gia hội chợ trong nước gồm: Chi phí thuê gian hàng; trang trí gian hàng chung của tỉnh, chi phí vận chuyển hàng hóa, chi phí trực giới thiệu sản phẩm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ cho đơn vị chủ trì, chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm đặc trưng của tỉnh, chi phí thuê hội trường, thiết bị và chi phí hợp lý khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 7 Quy chế này không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng cho doanh nghiệp, cơ sở tự tham gia hội chợ trong nước.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 7 Quy chế này tối đa 04 gian và không quá 12 triệu đồng/đơn vị tham gia hội chợ định hướng xuất khẩu; tối đa 04 gian và không quá 10 triệu đồng/đơn vị tham gia hội chợ tiêu dùng tổng hợp. Mỗi doanh nghiệp, cơ sở chỉ được hỗ trợ 1 lần/năm.

3. Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức các hoạt động bán hàng: Thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu cụm công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (gồm các khoản: Chi phí vận chuyển; chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng; dịch vụ phục vụ (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); trang trí chung khu vực tổ chức bán hàng; tổ chức khai mạc (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; các khoản chi hợp lý khác).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 3, Điều 7 Quy chế này không quá 70 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

4. Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại; các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm (gồm các khoản: Chi phí mua tài liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp; chi phí xuất bản và phát hành, chi phí hợp lý khác).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 7 Quy chế này không quá 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

5. Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác (gồm chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành).

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 5, Điều 7 Quy chế này không quá 50 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

6. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn ngắn hạn nâng cao năng lực quản trị cho doanh nghiệp, cơ sở nhằm phát triển thị trường trong nước, gồm các khoản: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, giải khát, chi phí hợp lý khác (nếu có) hoặc học phí trọn gói của lớp học.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 6, Điều 7 Quy chế này không quá 50 triệu đồng/lớp học.

7. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, liên kết tiêu thụ sản phẩm... gồm các khoản: Mời báo cáo viên, thuê hội trường, thiết bị, tài liệu, giải khát và chi phí hợp lý khác (nếu có) hoặc chi phí trọn gói của hội nghị, hội thảo, tọa đàm.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 7, Điều 7 Quy chế này không quá 50 triệu đồng/sự kiện.

8. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn giao thương, kết nối cung - cầu với các tỉnh, thành trong nước, gồm các khoản: Chi phí phương tiện đi lại; chi phí tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, tài liệu, giải khát; chi phí hợp lý khác (nếu có); công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì thực hiện công tác tổ chức.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Khoản 8, Điều 7 Quy chế này không quá 80 triệu đồng/chuyến.

9. Mức chi các chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương III XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 8. Doanh nghiệp, cơ sở đăng ký hỗ trợ xúc tiến thương mại

Doanh nghiệp, cơ sở đăng ký với đơn vị chủ trì chương trình xây dựng đề án xúc tiến thương mại hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đăng ký hỗ trợ xúc tiến thương mại (phụ lục 1).
2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ gửi về đơn vị chủ trì trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện (thời gian nhận được tính từ ngày đóng dấu của bưu điện) trước ngày 01 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch.

Điều 9. Xây dựng đề án xúc tiến thương mại

Trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp, cơ sở, đơn vị chủ trì phải xây dựng đề án xúc tiến thương mại phù hợp với chiến lược xuất khẩu, chiến lược phát triển thị trường trong nước của tỉnh; phù hợp với nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi.

Điều 10. Tiếp nhận, tổng hợp đề án

1. Các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình xây dựng đề án xúc tiến thương mại gửi đến Sở Công Thương tổng hợp trước ngày 01 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch.

2. Sở Công Thương tiếp nhận, xem xét, thẩm định các đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì đề xuất và tổng hợp thành Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre của năm kế hoạch và dự toán ngân sách tỉnh cần hỗ trợ gửi Sở Tài chính.

3. Hàng năm Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính có nhiệm vụ lập dự toán chương trình xúc tiến thương mại hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở của tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại, Sở Công Thương tổng hợp các đề án xúc tiến

thương mại đưa ra Hội đồng xét duyệt tiến hành thẩm định; Sở Công Thương tổng hợp các đề án được xét duyệt gửi về Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

Điều 11. Triển khai thực hiện đề án

1. Sở Công Thương căn cứ vào phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại của Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành công bố công khai nội dung Chương trình đến các tổ chức, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, cơ sở trong tỉnh; thực hiện việc giao đề án đến các đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm quản lý, tổng hợp việc thực hiện các đề án được phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì lựa chọn các đơn vị tham gia phải phù hợp với mục tiêu của đề án. Riêng đối với đề án xúc tiến thương mại tại nước ngoài, đơn vị chủ trì đề xuất với Sở Công Thương để xem xét lựa chọn đơn vị tham gia, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đơn vị tham gia chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ.

Điều 12. Rà soát, điều chỉnh và chấm dứt đề án

1. Trong trường hợp có yêu cầu điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt một số nội dung của đề án, đơn vị chủ trì phải có văn bản báo cáo rõ lý do và đề nghị phương án gửi Sở Công Thương.

2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung đề án cho phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và tình hình cụ thể, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp phát hiện đơn vị chủ trì và các đơn vị tham gia có sai phạm trong việc thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tiến độ hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án.

4. Nguồn kinh phí chưa sử dụng do chấm dứt thực hiện đề án, nếu xét thấy cần bổ sung thực hiện các đề án khác thuộc Chương trình xúc tiến thương mại trong năm kế hoạch, Sở Công Thương tổng hợp gửi văn bản đề nghị điều chỉnh dự toán về Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 13. Thanh, quyết toán kinh phí

1. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức hạch toán và phản ánh đầy đủ các khoản thu, chi từng đề án vào sổ sách kế toán theo đúng quy định tài chính hiện hành; tổng hợp báo cáo Sở Công Thương.

2. Trường hợp nguồn kinh phí thực hiện đề án bao gồm nguồn kinh phí ngân sách cấp và nguồn kinh phí xã hội hóa thì trong bộ chứng từ quyết toán cũng thể hiện rõ nguồn kinh phí xã hội hóa.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp quyết toán hàng năm của đơn vị chủ trì thành quyết toán chung từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh Bến Tre. Kinh phí xúc tiến thương mại do ngân sách tỉnh cấp đang thực hiện dở dang

hoặc đã giao/ký hợp đồng, các đơn vị không sử dụng hết trong năm kế hoạch được chuyển sang năm sau.

Điều 14. Báo cáo việc thực hiện đề án

1. Đơn vị tham gia có trách nhiệm báo cáo tình hình, đánh giá kết quả tham gia của đơn vị và kiến nghị đề xuất (nếu có) gửi về đơn vị chủ trì chậm nhất là 05 (năm) ngày sau khi kết thúc đề án.

2. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện, đánh giá kết quả của đề án và kiến nghị đề xuất (nếu có) gửi về Sở Công Thương chậm nhất là 10 (mười) ngày sau khi kết thúc đề án để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Công Thương tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các đề án xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre theo quy định và chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá hiệu quả đề án sau quá trình triển khai thực hiện để tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có hướng chỉ đạo tiếp theo.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hàng năm, Sở Tài chính căn cứ vào kế hoạch, dự toán kinh phí được duyệt và tiến độ thực hiện để cấp kinh phí kịp thời cho hoạt động xúc tiến thương mại.

2. Hướng dẫn sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định của pháp luật; Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án xúc tiến thương mại.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan phổ biến định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ trì, hướng dẫn Trung tâm Xúc tiến thương mại, Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề, Liên minh Hợp tác xã và các doanh nghiệp trong tỉnh có hoạt động xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện và tiêu chí quy định tại Quy chế này, đề xuất các đề án xúc tiến thương mại theo quy định gắn với các Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hàng năm theo từng thời kỳ của Bộ Công Thương.

3. Đánh giá, thẩm định các đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị thực hiện Chương trình đề xuất, tổng hợp đưa vào Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh; Tổ chức triển khai, lựa chọn đơn vị thực hiện, giao nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các đơn vị; Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh và tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

4. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng xét duyệt, đánh giá, thẩm định, tổng hợp các đề án xúc tiến thương mại trình Ủy ban

nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn đơn vị chủ trì sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả, bảo đảm quyết toán kinh phí được cấp theo quy định hiện hành; Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án, bảo đảm đề án được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các đề án; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền; Tổng hợp quyết toán hàng năm của các đơn vị chủ trì thành quyết toán chung từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh; Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện chương trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Đơn vị chủ trì Chương trình

1. Đơn vị chủ trì Chương trình làm đầu mỗi tiếp nhận đơn đề nghị hỗ trợ xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, cơ sở; tổng hợp và tiến hành xây dựng đề án trình Sở Công Thương và có trách nhiệm lựa chọn doanh nghiệp, cơ sở tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp, cơ sở phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp, cơ sở.

2. Tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để tổ chức triển khai thực hiện đề án theo đúng tiến độ, nội dung và dự toán đã được phê duyệt, đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành. Thực hiện thanh quyết toán và tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức, thực hiện đề án cho cơ quan quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, theo quy định hiện hành.

Điều 18. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Thực hiện đăng ký tham gia Chương trình (phụ lục 1) với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình. Tham gia triển khai thực hiện đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã đăng ký và đạt hiệu quả cao.

2. Thực hiện báo cáo kết quả tham gia Chương trình (phụ lục 2) với đơn vị thực hiện Chương trình để tổng hợp báo cáo cấp trên theo quy định và phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình trong kiểm tra, giám sát, công tác thanh, quyết toán sau khi chương trình kết thúc.

Điều 19. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Văn Trọng

Phụ lục 1

*(Kèm theo Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày tháng năm

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM

Kính gửi: (Đơn vị chủ trì)

Tên đơn vị: *(ghi chính xác theo đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Đại diện:..... ; Chức vụ:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:; Fax:.....

(Phần giải trình xin hỗ trợ: Ghi rõ nội dung cần hỗ trợ, lý do xin hỗ trợ.....)

Chúng tôi cam kết sẽ tham gia triển khai thực hiện đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã đăng ký và đạt hiệu quả cao; thực hiện chế độ báo cáo kết quả đúng thời gian và cung cấp đầy đủ chứng từ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền về kinh phí được hỗ trợ.

Trân trọng cảm ơn!

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Ký và đóng dấu (nếu có)

Họ và tên

Phụ lục 2

*(Kèm theo Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
THAM GIA ĐỀ ÁN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: (Đơn vị chủ trì)

Tên đơn vị: *(ghi chính xác theo đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

Đại diện:.....; Chức vụ:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:; Fax:.....

Xin báo cáo kết quả tham gia đề án xúc tiến thương mại như sau:

1. Tên đề án:

2. Đơn vị tổ chức:

3. Thời gian tổ chức:

4. Địa điểm tổ chức:.....

5. Quy mô:.....

6. Kết quả tham gia: (đã giới thiệu sản phẩm gì; bao nhiêu khách hàng quan tâm đến sản phẩm; thỏa thuận ký kết bao nhiêu hợp đồng....)

.....

.....

7. Thuận lợi, khó khăn, các đề xuất, kiến nghị (nếu có):

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Ký và đóng dấu(nếu có)

Họ và tên